

Số: 326 /BC-UBND

Rạch Giá, ngày 14 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính năm 2022**  
**Và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023**

Thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá về công tác cải cách hành chính năm 2022. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2022 như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC NĂM 2022**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Thực hiện Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về công tác cải cách hành chính năm 2022; UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 19/01/2022 về công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai đến các cơ quan, ban ngành thành phố, UBND các phường, xã thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch của UBND thành phố, các cơ quan chuyên môn được phân công chủ trì các nội dung theo kế hoạch đã cụ thể hóa tham mưu UBND thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC<sup>(1)</sup>. Qua kết quả chấm điểm, xếp hạng CCHC năm 2021 (thành phố xếp hạng trung bình) và thực hiện Công văn số 364-CV/TU ngày 03/8/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện tốt công tác CCHC trên địa bàn thành phố Rạch Giá, UBND thành phố chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện bằng các giải pháp nhằm nâng thứ hạng chỉ số CCHC năm 2022 (phần đầu xếp từ hạng tốt trở lên) và đã ban hành Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND thành phố về tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính trên địa bàn và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2021<sup>(2)</sup>; Thông báo về việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố... Hàng quý, 6 tháng tổ chức hội nghị nhằm đánh

<sup>(1)</sup> Kế hoạch 12/KH-UBND ngày 19/01/2022 về công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch 26/KH-UBND ngày 18/02/2022 về theo dõi, thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố năm 2022; Kế hoạch 27/KH-UBND ngày 18/02/2022 về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Kế hoạch 41/KH-UBND ngày 15/3/2022 thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về CCHC năm 2022; Kế hoạch 104/KH-UBND ngày 15/3/2022 thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch 51/KH-UBND về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn thành phố Rạch Giá; Kế hoạch 193/KH-UBND tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin triển khai chính quyền số trên địa bàn thành phố Rạch Giá; Quyết định 21/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2022; Công văn về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nâng cao tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn thành phố;...

<sup>(2)</sup> Đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm thực hiện đến cuối năm 2022 và 5 giải pháp khắc phục 6 tiêu chí đạt điểm thấp năm 2021.

giá tình hình kết quả thực hiện và khắc phục những nhiệm vụ còn hạn chế, các tiêu chí đạt điểm thấp.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về CCHC trên địa bàn, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 15/3/2022 về thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về CCHC năm 2022 làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC tại đơn vị, địa phương mình. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền như: niêm yết công khai TTHC tại cơ quan, đơn vị; đăng tải trên cổng thông tin điện tử; tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng về tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC tại đơn vị, địa phương, những tác động tích cực của CCHC đến đời sống xã hội; lồng ghép tuyên truyền CCHC với nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại địa phương; tuyên truyền thông qua sinh hoạt chi, tổ hội đoàn thể, khu dân cư... UBND thành phố phối hợp Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố và Đoàn Thanh niên thành phố tổ chức Hội thi tuyên truyền công tác CCHC gắn với Đề án “Phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”<sup>(3)</sup>; ngoài ra còn bố trí lực lượng đoàn thanh niên tuyên truyền hướng dẫn người dân về cách thức sử dụng dịch vụ hành chính công, dịch vụ công trực tuyến tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố.

UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 28/3/2022 về kiểm tra công tác CCHC năm 2022 và Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 về thành lập Tổ kiểm tra thực hiện công tác CCHC; kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản, Hồ sơ công việc; duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng trên địa bàn TPRG năm 2022; theo kế hoạch kiểm tra, Tổ kiểm tra đã tiến hành kiểm tra trực tiếp 08/23 đơn vị<sup>(4)</sup>, chiếm 34,7% (chỉ tiêu 30%), qua đó các đơn vị đã xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế theo kết luận kiểm tra. Qua kết quả Tỉnh kiểm tra công tác CCHC năm 2022 của thành phố và 02 phường Vĩnh Lợi, An Bình, UBND thành phố đã ban hành văn bản chấn chỉnh chung công tác CCHC trên địa bàn thành phố và chỉ đạo khắc phục các hạn chế, khuyết điểm sau kết luận kiểm tra của tỉnh.

## 2. Cải cách thể chế

Trong năm 2022, UBND thành phố đã ban hành 01 văn bản QPPL<sup>(5)</sup>, văn bản QPPL được ban hành đảm bảo đúng quy trình, thẩm quyền, tiến độ theo quy định. Qua tự kiểm tra, rà soát thành phố có 02 VBQPPL còn hiệu lực<sup>(6)</sup>. HĐND và

<sup>(3)</sup> Có 4 cụm thi với 16 đội tham gia; đối tượng tham gia 12 cán bộ, công chức, viên chức giáo dục, hội viên phụ nữ, thanh niên và người dân.

<sup>(4)</sup> Phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Lao động-Thương binh và Xã hội; phường Vĩnh Hiệp, Vĩnh Quang, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thông, Vĩnh Lạc, xã Phi Thông.

<sup>(5)</sup> Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá.

<sup>(6)</sup> Nghị quyết số 40/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ

UBND phường, xã không có ban hành văn bản QPPL. UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 18/02/2022 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố Rạch Giá năm 2022; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 18/02/2022 quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật từng bước đi vào chiều sâu, nội dung và phương pháp thực hiện có nâng lên; tình hình vi phạm và xử lý vi phạm hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

Trên cơ sở các TTHC được UBND tỉnh công bố, UBND thành phố đã ban hành Quyết định 21/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2022; tổng số cấp thành phố có 15 ngành, 47 lĩnh vực, 271 TTHC (tăng 01 lĩnh vực, 09 thủ tục; năm 2021 là 15 ngành, 46 lĩnh vực, 262 thủ tục), ngoài ra tại Bộ phận một cửa còn tiếp nhận thêm 20 TTHC thuộc lĩnh vực đất đai cấp tỉnh và 09 TTHC thuộc lĩnh vực giao dịch bảo đảm cấp tỉnh (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố thực hiện), việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức đều được thực hiện trên hệ thống Một cửa điện tử.

UBND thành phố ban hành và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch 51/KH-UBND ngày 30/3/2022 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn thành phố Rạch Giá, nhằm rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian cho người dân và doanh nghiệp, kết quả rà soát có 48/271 TTHC đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết, qua xem xét UBND thành phố đã ban hành Thông báo số 569/TB-UBND ngày 07/9/2022 về việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố, thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết 18/271 TTHC, còn lại 30 TTHC sẽ phân đầu thực hiện trong năm 2023.

Để nâng cao tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; UBND thành phố Rạch Giá đầu tư nâng cấp đường truyền mạng và các trang thiết bị cho Bộ phận Một cửa thành phố và các phường, xã, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực, giải quyết vướng mắc về thực hiện nghĩa vụ thuế trong giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai. Chuẩn bị đầu tư các trang thiết bị phòng họp không giấy phục vụ các kỳ họp Thành ủy, HĐND và UBND thành phố<sup>(7)</sup>. Kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2022 (số liệu tính ngày 15/12/2021 đến ngày 30/11/2022):

---

ổn định ngân sách mới trên địa bàn thành phố Rạch Giá và Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá.

<sup>(7)</sup> Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 14/11/2022 của UBND thành phố về việc đầu tư trang bị phòng họp không giấy phục vụ các kỳ họp tại Thành ủy, HĐND và UBND thành phố Rạch Giá.

- Thành phố: đã tiếp nhận 45.750 hồ sơ (kỳ trước chuyển sang 404 hồ sơ, trực tuyến 732 hồ sơ, nhận mới 44.614 hồ sơ); đã giải quyết 45.148 hồ sơ (trong đó, đúng hạn và trước hạn 42.241 hồ sơ, đạt 93,56%, quá hạn 2.907 hồ sơ, chiếm 6,44%); còn 602 hồ sơ đang giải quyết. Trong đó:

+ Đối với TTHC do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố thực hiện đã tiếp nhận 38.395 hồ sơ (trong đó, kỳ trước chuyển qua 260 hồ sơ, nhận mới trực tiếp 38.550 hồ sơ); đã giải quyết xong 38.646 hồ sơ, trong đó: giải quyết đúng và trước hạn 35.843 hồ sơ, đạt tỷ lệ 92,75%; trễ hạn 2.803 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 7,25%, còn 164 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết.

+ Đối với thành phố đã tiếp nhận 6.940 hồ sơ (trong đó, kỳ trước chuyển qua 144 hồ sơ, trực tuyến 732 hồ sơ, nhận mới trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính 6.064 hồ sơ); đã giải quyết xong 6.502 hồ sơ, (trong đó: giải quyết đúng và trước hạn 6.398 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,40%; trễ hạn 104 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 1,60%), còn 438 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết.

- Phường, xã: đã tiếp nhận 106.143 hồ sơ (kỳ trước chuyển qua 27, trực tuyến 23 hồ sơ, nhận mới 106.093 hồ sơ); đã giải quyết 106.075 hồ sơ (trong đó, đúng hạn 106.070 hồ sơ, đạt 99,99%, quá hạn 05 hồ sơ, chiếm 0.01%); còn 68 hồ sơ đang giải quyết.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang. Kết quả trong năm 2022, thành phố có 732 hồ sơ phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4; tiếp nhận qua bưu chính công ích 5.298 hồ sơ, trong đó có 680/5.298 hồ sơ được trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, chiếm 12,83% (tăng 8,61% so với năm 2021).

Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thường xuyên tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân khi đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính, kết quả có 96,29% tổ chức, cá nhân hài lòng. Trong năm, có 05 phản ánh, kiến nghị của cá nhân về UBND thành phố, UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trả lời và công khai trên cổng thông tin điện tử thành phố đảm bảo theo thời gian và đúng quy định.

#### **4. Cải cách tổ chức bộ máy**

UBND thành phố đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố theo hướng dẫn của UBND tỉnh, cụ thể trong năm đã tham mưu thẩm định, ban hành Quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu, tổ chức của 07 cơ quan<sup>(8)</sup>. Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt vai trò tham mưu, quản lý nhà nước, giúp cho công tác chỉ đạo điều hành của UBND thành phố trên các lĩnh vực khá đồng bộ, hiệu quả (kết quả đạt 20/20 chỉ tiêu kế hoạch năm 2022).

<sup>(8)</sup> phòng Nội vụ, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Văn hóa và Thông tin, phòng Giáo dục và đào tạo; phòng Lao động - Thương binh và xã hội; phòng Tài chính - Kế hoạch; phòng Kinh tế.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý biên chế, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố và phường, xã: biên chế công chức trong các cơ quan hành chính được tinh giao năm 2022 là 96 người, hiện tại bố trí 92/96 người<sup>(9)</sup>; biên chế sự nghiệp có mặt là 1.807/1.914 người<sup>(10)</sup>; các đơn vị sự nghiệp Tỉnh không giao biên chế<sup>(11)</sup> bố trí 49/92 người. Số lượng cán bộ, công chức cấp phường, xã có mặt là 258/264 người (trong đó, có 233 người đạt chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, tỷ lệ 97,08%); người hoạt động không chuyên trách phường, xã 141/164 người; người hoạt động không chuyên trách khu phố, ấp 144/144 người; người tham gia công việc ở khu phố, ấp 306/360 người.

### 5. Cải cách chế độ công vụ

Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của các cơ quan hành chính và Đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng Đề án tổ chức lại Đội kiểm tra trật tự đô thị thành phố. Chỉ đạo thực hiện đảm bảo quy trình về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền<sup>(12)</sup>. Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức<sup>(13)</sup>. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm, đã cử 409 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng<sup>(14)</sup>. Thực hiện hoàn thành tốt công tác tuyển dụng công chức phường, xã năm 2022, kết quả tuyển dụng công chức phường, xã năm 2022 có 11 người trúng tuyển vào 05 vị trí dự tuyển<sup>(15)</sup>.

### 6. Cải cách tài chính công

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Chi cục Thuế triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý thu ngân sách nhà nước, kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, thực hiện các biện pháp chống thất thu ngay từ những tháng đầu năm, đồng thời thực hiện các biện pháp hỗ trợ người nộp thuế và tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý thu, khai thác tăng thu khi tình hình dịch bệnh đã dần được kiểm soát, oạt động kinh doanh từng bước được khôi phục. Kết quả thực hiện thu năm 2022 là

<sup>(9)</sup> phòng Nội vụ 7/7 người; phòng Kinh tế 8/8 người, phòng Tài chính-Kế hoạch 10/10 người; phòng LĐTĐ & XH 7/7 người; phòng Văn hóa và Thông tin 4/5 người; phòng Tư pháp 4/4 người; phòng Quản lý đô thị 8/9 người; Thanh tra 6/7 người; Văn phòng HĐND và UBND 22/23 người; phòng Tài nguyên và Môi trường 7/7 người; phòng Giáo dục và Đào tạo 9/9 người.

<sup>(10)</sup> sự nghiệp giáo dục 1.792/1.897 người, sự nghiệp Văn hóa 15/17 người.

<sup>(11)</sup> BQL dự án đầu tư nâng cấp đô thị, BQL dự án đầu tư xây dựng, Đội kiểm tra trật tự đô thị, Trung tâm thương mại Rạch Giá, Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư, Trung tâm tư vấn dịch vụ xây dựng.

<sup>(12)</sup> Bổ nhiệm 03, bổ nhiệm lại 06 trường hợp; bổ nhiệm kế toán trưởng 02 trường hợp; điều động 04 công chức thành phố; chấp thuận cho chuyển công tác 03 trường hợp; thực hiện quy trình tiếp nhận 05 trường hợp công chức, 1 viên chức; tiếp nhận 53 giáo viên chuyển về thành phố; điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 29 trường hợp viên chức quản lý giáo dục; chấp thuận chuyển công tác (ra khỏi Rạch Giá) 04 trường hợp.

<sup>(13)</sup> Đã giải quyết cho 1.410 trường hợp gồm: nâng lương CBCCVC thành phố 1230 trường hợp; phường xã 63 trường hợp; hỗ trợ theo bảng cấp chuyên môn đối với những người hoạt động không chuyên trách phường, xã và khu phố, ấp 116 trường hợp; Bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức hết thời gian tập sự 01 công chức Văn phòng HĐND và UBND thành phố.

<sup>(14)</sup> có 8/9 trường hợp đã nộp hồ sơ dự tuyển đầu vào sau đại học; cử 05 trường hợp thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính; 04 trường hợp thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính từ cán sự lên chuyên viên năm 2022. Lập danh sách cử 392 CBCCVC thành phố và phường xã tham gia các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, quản lý cấp phòng, Tiếng Anh trình độ B1, Tin học cơ bản, bồi dưỡng ngạch kế toán viên năm 2022. .

<sup>(15)</sup> Các phường, xã gồm: phường An Bình, Vĩnh Thanh, Vĩnh Thanh Vân, Vĩnh Bảo, Vĩnh Hiệp và xã Phi Thông.

887,2/774,3 tỷ đồng, đạt 114,58% dự toán tính giao và dự toán HĐND thành phố. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2022 thành phố quản lý 196,87 tỷ đồng, thực hiện giải ngân được 196,87/196,87 tỷ đồng, đạt 100%. Tổ chức thực hiện tốt các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính-ngân sách<sup>(16)</sup>. Thành phố Rạch Giá có 60 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó 60/60 đơn vị sự nghiệp công lập (đạt tỷ lệ 100%) thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cụ thể như sau:

- + Đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo chi phí thường xuyên: 05 đơn vị.
- + Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động: 28 đơn vị.
- + Đơn vị ngân sách bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động: 27 đơn vị.

Số ĐVSNCL được giao về khả năng nâng lên tính tự chủ trong năm 2022 không có đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức cao hơn so với năm 2021.

### **7. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số**

- *Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở cơ quan, đơn vị, địa phương:* triển khai thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 31/3/2022 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn thành phố Rạch Giá năm 2022, qua đó, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của các phòng, ban ngành thành phố, UBND các phường, xã vào công tác CCHC, quản lý điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước; tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức nhanh gọn, đúng quy định. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong trao đổi công việc, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử công vụ để gửi, nhận văn bản.

UBND thành phố đã thực hiện ký thỏa thuận hợp tác với VNPT Kiên Giang về viễn thông và công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2025, qua đó nhằm đẩy mạnh phát triển lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin của thành phố, đồng thời xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

- *Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:* UBND thành phố vận hành các ứng dụng, hệ thống dùng chung do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý và vận hành máy chủ. Máy tính, máy scan, máy in của các phòng, ban ngành thành phố, UBND các phường, xã cơ bản được đầu tư, trang bị đảm bảo theo yêu cầu. Để nâng cao tỷ lệ giải quyết TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn thành phố, UBND thành phố đã phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát hiện trạng Bộ phận Một cửa thành phố và phường, xã để đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ và trang thiết bị tại Văn phòng, Bộ phận một cửa UBND thành phố và các phường, xã với tổng kinh phí 1.080.944.975 đồng.

<sup>(16)</sup> Tổng số tiền phải nộp ngân sách nhà nước đã được kiểm toán Nhà nước chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra về tài chính, ngân sách trong năm 2021 và 2022: là 110.125.714 đồng, kết quả đã nộp 110.125.714 đồng, đạt 100%.

- *Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:* Việc ứng dụng hồ sơ công việc đảm bảo theo quy chế quản lý và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của UBND tỉnh. Trong năm, thành phố đã tiếp nhận 7.073 văn bản, phát hành 4.412 văn bản dưới dạng điện tử, đạt tỷ lệ 85,47% và phường, xã đã tiếp nhận 25.334 văn bản, phát hành 3.561 văn bản dưới dạng điện tử, đạt tỷ lệ 38,53%. Trên 93% cán bộ, công chức, viên chức của thành phố sử dụng thư điện tử công vụ trong xử lý công việc. Cổng thông tin điện tử thành phố được cập nhật thông tin, đăng tải nhiều thông tin như: kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, danh mục kêu gọi đầu tư. Trong năm, đã đăng tải 80 tin bài, 322 hình ảnh, 226 văn bản về các thông tin về tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố, về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- *Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4:* Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 07/09/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cung cấp trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang, UBND thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành thành phố và UBND các phường, xã đẩy mạnh ứng dụng CNTT, trong đó tập trung đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính đối với những lĩnh vực bức thiết, liên quan đến người dân và doanh nghiệp. Hiện UBND thành phố cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với 152 TTHC; UBND phường, xã cung cấp 59 TTHC mức độ 3, 4. Kết quả trong năm có 732 hồ sơ phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 (tăng 630 hồ sơ so với năm 2021).

- *Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015:* UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 06/4/2022 về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn thành phố Rạch Giá năm 2022 với 243/271 thủ tục hành chính; trong quá trình thực hiện, luôn cập nhật, cải tiến hệ thống tổ chức đánh giá nội bộ, xem xét hệ thống QLCL năm 2022 đảm bảo theo thời gian quy định; thường xuyên rà soát, cập nhật danh mục tài liệu bên ngoài và ban hành mới chính sách chất lượng, mở rộng phạm vi áp dụng với toàn bộ thủ tục hành chính.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Công tác CCHC năm 2022 được quan tâm chỉ đạo thực hiện, thể hiện sự quyết tâm quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành nhằm mục tiêu phục vụ tốt người dân, tổ chức, khắc phục tốt các hạn chế, khuyết điểm năm 2021 và nâng cao thứ hạng chỉ số CCHC năm 2022; công tác thông tin tuyên truyền về CCHC được đẩy mạnh với nhiều hình thức phù hợp; TTHC tiếp tục được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết một số thủ tục, phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp. Công tác cải cách tổ chức bộ máy, cải cách công vụ được thực hiện tốt; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước có số lượng, cơ cấu hợp lý theo yêu cầu vị trí việc làm, đáp ứng ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức. Công tác cải cách tài chính công đạt nhiều kết quả cao hơn so với năm 2021; thực hiện

nhiệm vụ tài chính ngân sách đạt 100% theo kế hoạch tỉnh giao và nghị quyết HĐND thành phố. Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống điện tử đã được sử dụng có hiệu quả để phục vụ công việc; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số được quan tâm đầu tư, trang bị; đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, trong công tác chỉ đạo thực hiện ở một vài cơ quan, đơn vị chưa có tính đột phá, chưa có mô hình mới. Công tác kiểm soát, cập nhật, công khai niêm yết TTHC sau khi UBND tỉnh công bố tại các phường, xã đôi lúc chưa kịp thời. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC còn chậm, việc thực hiện Chính quyền số của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế; hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 và bưu chính công ích chưa cao.

*Nguyên nhân*, một số thủ trưởng cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện công tác CCHC, chưa quan tâm nhiều đến việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, văn phòng điện tử, sử dụng chữ ký số; một số công chức phường, xã thực hiện nhiệm vụ CCHC, kiểm soát TTHC có mặt còn hạn chế; công tác phối hợp giải quyết TTHC của một số cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ; người dân, doanh nghiệp chưa có thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tâm lý muốn đến trực tiếp để nộp hồ sơ cho yên tâm; nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT chưa đáp ứng yêu cầu, năng lực quản trị mạng còn hạn chế, đa số chỉ ứng dụng CNTT cơ bản;

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CCHC NĂM 2023**

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận, đoàn thể; phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thực hiện tốt chương trình, kế hoạch thực hiện công tác CCHC năm 2023. Rà soát toàn diện các nhiệm vụ CCHC năm 2023 theo phân công của kế hoạch chỉ đạo của tỉnh, các kế hoạch thực thi trên các lĩnh vực CCHC do các cơ quan chuyên môn chủ trì và kế hoạch CCHC của các phường, xã; trên cơ sở rút kinh nghiệm từ việc thực hiện năm 2022, rà soát lại việc phân công nhiệm vụ và đôn đốc thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc, tập trung triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2023.

2. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, đảm bảo 100% văn bản đã ban hành được tự kiểm tra, phát hiện và tham mưu xử lý kịp thời những văn bản vi phạm theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.

3. Giải quyết TTHC đảm bảo đúng quy định, không để xảy ra phiền hà, những nhiễu trong quá trình thực hiện, phấn đấu giải quyết TTHC trước thời gian quy định. Tăng cường giải quyết TTHC trên hệ thống một cửa điện tử, giảm hồ sơ trả quá hạn, nhất là lĩnh vực đất đai. Đẩy mạnh tuyên truyền việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Công Dịch vụ công tỉnh và bưu chính công ích. Tiếp tục thực hiện chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành



phổ. Kịp thời tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

4. Tiếp tục rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố theo các thông tư của Bộ và hướng dẫn của UBND tỉnh. Triển khai Đề án vị trí việc làm của đơn vị hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập khi được UBND tỉnh phê duyệt.

5. Xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2023; Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên đảm bảo tiêu chuẩn và vị trí việc làm quy định.

6. Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách để bảo đảm chi thường xuyên và chi cho đầu tư cho phát triển; tiếp tục nghiên cứu, cải tiến việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính Nhà nước, vận hành, thực hiện tốt phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, văn phòng điện tử; phần mềm một cửa điện tử trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC. Nâng cao chất lượng cổng thông tin điện tử thành phố, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Trên đây là báo cáo công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác CCHC năm 2023 của UBND thành phố Rạch Giá./.

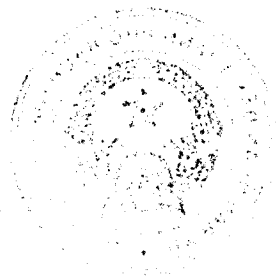
**Nơi nhận:**

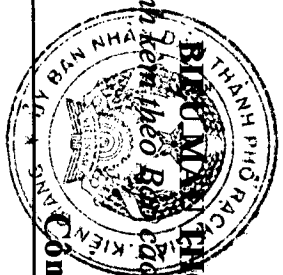
- Sở Nội vụ Tỉnh;
- CT và các PCT UBND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;
- UBND các phường, xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Ngô Việt Trung*





(Ban hành kèm theo Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố Rach Gia)

**Phụ lục**

**BÍ MẬT**  
**TÊN ĐĂNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**Biểu mẫu 1**

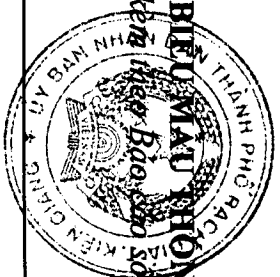
**Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> (Kể luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quản triệt)	Văn bản	14	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
		Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (liệt kê đến thời điểm báo cáo)	%	100	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	27	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
		Nhiệm vụ đã hoàn thành	27	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>				
3.1.	Số số, ban, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
		Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	8	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</b>		0		
4.1.	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	%	0	Sở Nội vụ (Thanh tra Sở) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	Sở Nội vụ (Thanh tra Sở) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>				
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	21	Văn phòng UBND tỉnh báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh	Còn 01 nhiệm vụ đang thực hiện

5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	13	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh đã hoàn thành đúng hạn	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	6	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh đã hoàn thành nhưng quá hạn	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	1	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0	1	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	Thu 162/180 phiếu trong đó tỷ lệ hài lòng của người dân đạt 96,22%
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	162	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch	

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



**PHỤ LỤC**  
**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 3.XC/BC-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố Rạch Giá)

**Biểu mẫu 2**

**Cải cách thể chế**

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		Số Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	Số, ban, ngành tỉnh báo cáo số VBQPPL tham mưu cho UBND tỉnh ban hành	Số Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	1		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0		
2.	Kiểm tra. xử lý VBQPPL				
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	Số Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	Số Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	Số Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>				
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	2	Sờ Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	Sờ Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	Sờ Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	Sờ Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	





**Phụ lục**  
**BIỆT MÃ THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Quý, 6 tháng, năm)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 32/BC-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố Rạch Giá)  
Biểu mẫu 3

**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
<b>1.</b>	<b>Thông kê TTHC</b>				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	18	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	Thay thế 02 TTHC, bãi bỏ 07 TTHC	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	425	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	271	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	154	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>				
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	12	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	(Lĩnh vực đất đai)
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	32	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	(12 TTHC lĩnh vực đất đai cấp thành phố và 20 TTHC đất đai cấp tỉnh)

2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	Sở, ban, ngành trình báo cáo số liệu tại đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của sở, ban, ngành tỉnh	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	Sở, ban, ngành trình báo cáo số liệu tại đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của sở, ban, ngành tỉnh	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	Sở, ban, ngành trình báo cáo số liệu tại đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của sở, ban, ngành tỉnh	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	93,56	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp huyện	trừ hồ sơ của Chi nhánh văn phòng đăng ký giải quyết (thành phố giải quyết 6.398/6.502 hồ sơ giải quyết đúng hạn, đạt 98,4%)
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	45.148	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp huyện	trừ hồ sơ của Chi nhánh văn phòng đăng ký giải quyết (thành phố giải quyết 6.502/6.940 hồ sơ đã giải quyết)
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	42.241	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp huyện	trừ hồ sơ của Chi nhánh văn phòng đăng ký giải quyết (thành phố giải quyết 6.398/6.502 hồ sơ giải quyết đúng hạn)
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp xã	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	106.075	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp xã	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	106.070	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp xã	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	5	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	5	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

1914  
1915

1916

1917

Phụ lục

**BIỂU MẪU 4 NHŨNG KÊ SỔ LIỆU BÁO CÁO CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 326/BC-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố Rạch Giá)

Biểu mẫu 4

Cải cách tổ chức bộ máy



STT	Chỉ tiêu-thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
1.	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>				
1.1.	Tỷ lệ số, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	Số, ban, ngành tỉnh báo cáo số liệu tại đơn vị	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.3.	Số ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh	Ban		Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (DVSNCL) trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	Sở, ban, ngành tỉnh báo cáo số liệu tại đơn vị	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố	Cơ quan, đơn vị	52	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	1	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	96	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	92	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	7	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

3.	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1914	Số Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1807	Số Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	Số Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	Số Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

1940  
1941  
1942

1943

1944



Phụ lục

**BỆNH VIỆN PHÒNG KÊ SỎ LIỆU BẢO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 3/K/BC-UBND ngày 14. / 12. / 2022 của UBND thành phố Rạch Giá)



Cải cách chế độ công vụ

Biểu mẫu 5

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>				
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	Sở Nội vụ (Phòng TCCCV) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	52	Sở Nội vụ (Phòng TCCCV) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vị phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCV) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>				
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	11	Sở Nội vụ (Phòng TCCCV) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCV) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	1	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
3.	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kê từ đầu năm)</b>	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
4.	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
4.2.	Số lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNNCL bị kỷ luật.	Người	1	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh

Phụ lục

**BIỂU MẪU SỐ 01 THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3.36/BC-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố Rạch Giá)

Biểu mẫu 6

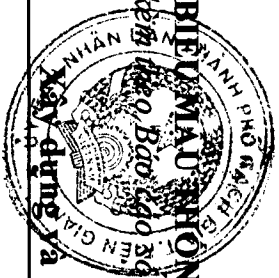
Cải cách tài chính công



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	100,00	Sơ Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bản tỉnh	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	196.870	Sơ Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bản tỉnh	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	196.870	Sơ Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bản tỉnh	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của DVSNCL trên địa bàn tỉnh (tùy kê đến thời điểm báo cáo)				
2.1.	Tổng số DVSNCLL trên địa bàn tỉnh	Đơn vị	60	Sơ Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bản tỉnh	
2.2	Số DVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (tùy kê đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		Sơ Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bản tỉnh	
2.3.	Số DVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (tùy kê đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	5	Sơ Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bản tỉnh	

2.4.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	28	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.1.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	28	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.5.	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	27	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.6.	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

**PHỤ LỤC**  
**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 3.5/BC-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố Rạch Giá)



**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

**Biểu mẫu 7**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	Sơ Thông tin và Truyền thông	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		Sơ Thông tin và Truyền thông	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	Sơ Thông tin và Truyền thông	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử				

5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		29		
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	Sở, ban, ngành tỉnh báo cáo số liệu tại đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh ( <i>Chi thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%		Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh	%	Sở, ban, ngành tỉnh báo cáo số liệu tại đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện, thành phố	%	85,47	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	38,53	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh				

5.3.1.	Tỷ lệ số, ban, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>				
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	22	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	22	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	2	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	Sơ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	130	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	130	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	100	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia	%	0	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh	Thủ tục	152	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	152	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 ( <i>chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i> )	%	4,29	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	732/17.045
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	17323	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	



6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	732	Số Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến	%	100	Số Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	271	Số Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	271	Số Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

